HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA PHẦN LAN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO

THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ nước Cộng hòa Phần lan,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp chi trả cũng như các loại thuế đánh trên phần trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế lợi tức; và
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Phần lan:

(i) các loại thuế thu nhập trung ương;
(ii) thuế thu nhập công ty;
(iii) thuế địa phương;
(iv) thuế khấu trừ tại nguồn đối với lãi từ tiền cho vay; và
(v) thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các đối tượng không cư trú;

(dưới đây được gọi là "thuế Phần lan").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam, và mọi vùng ở ngoài và gắn liền với lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp Việt nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Phần lan" có nghĩa là nước Cộng hòa Phần lan và khi dùng theo nghĩa địa lý có nghĩa là lãnh thổ nước Cộng hòa Phần lan và mọi vùng gắn liền với lãnh hải của nước Cộng hòa Phần lan mà theo luật pháp Phần lan và phù hợp với luật pháp quốc tế, Phần lan có quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Phần lan tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch một Nước ký kết; hay
(ii) bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) tại Việt nam là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
(ii) tại Phần lan là Bộ Tài chính, đại diện được ủy quyền của Bộ Tài chính, hoặc nhà chức trách được Bộ Tài chính chỉ định là nhà chức trách có thẩm quyền.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng tại thời điểm đó, định nghĩa trong các luật thuế đang áp dụng tại Nước đó sẽ có giá trị pháp lý cao hơn định nghĩa của thuật ngữ đó trong các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, nơi thành lập (đăng ký) hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm cả Nhà nước đó và bất kỳ một tổ chức nào do Nhà nước lập ra hoặc cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không thường sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung và quyết định hình thức áp dụng của Hiệp định đối với đối tượng đó.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;
b. chi nhánh;
c. văn phòng;
d. nhà máy;
e. xưởng;
f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và
g. kết cấu lắp đặt hay thiết bị sử dụng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên nhưng chỉ khi việc sử dụng đó diễn ra trong một giai đoạn trên 30 ngày.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, dự án lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình, dự án hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, kể cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua người làm công hay đối tượng khác được xí nghiệp giao thực hiện tại lãnh thổ của Nước ký kết kia, nhưng chỉ khi các hoạt động nêu trên (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) kéo dài trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại trên 6 tháng trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng liên tục nào.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc không thường xuyên giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích lưu kho, trưng bày hay việc giao hàng hóa không thường xuyên;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện sự kết hợp toàn bộ hoạt động nêu trên của cơ sở kinh doanh cố định đó mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những qui định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản, tại đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hóa hay tài sản thay mặt cho xí nghiệp.

6/ Mặc dù có những qui định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước kia hay bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết nếu xí nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho việc đại diện cho xí nghiệp, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nội dung của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ a) Thuật ngữ "bất động sản", theo như các quy định tại điểm b) và c), sẽ có nghĩa như được định nghĩa trong luật của Nước ký kết nơi có tài sản đó.

b) Thuật ngữ "bất động sản" trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả các tòa nhà, tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác;

c) Các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Khi việc sở hữu cổ phần hay các quyền lợi công ty khác tại một công ty cho phép chủ sở hữu các cổ phần hoặc các quyền lợi công ty đó được hưởng tài sản cố định do công ty đó nắm giữ thì thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác quyền được hưởng tài sản đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có tài sản cố định đó.

5/ Các quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC KINH DOANH

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

a. cơ sở thường trú đó;

b. việc bán tại Nước kia các hàng hóa hoặc tài sản cùng loại hay tương tự với các loại hàng hóa hoặc tài sản được bán thông qua cơ sở thường trú đó; hoặc

c. các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

Các quy định tại điểm b) và c) sẽ không áp dụng nếu xí nghiệp chứng minh việc bán hàng hóa hay các hoạt động tương tự được đề cập tại các điểm đó không liên quan đến cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước đó thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép trừ tất cả các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để được phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho

công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của cơ sở ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của cơ sở ngân hàng.

4/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5/ Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp đó.

6/ Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a) một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (trừ các tổ chức hùn vốn) nắm giữ trực tiếp ít nhất 70 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần.

b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (trừ các tổ chức hùn vốn) nắm giữ dưới 70 phần trăm nhưng ít nhất là 25 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần.

c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, trong thời gian một đối tượng cư trú là cá nhân tại Phần lan, theo luật thuế Phần lan được hưởng khấu trừ thuế đối với tiền lãi cổ phần do một đối tượng cư trú là công ty tại Phần lan chi trả thì tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Phần lan trả cho một đối tượng cư trú của Việt nam sẽ chỉ bị đánh thuế ở Việt nam nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là một đối tượng cư trú của Việt nam.

4/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh thuế công ty đối với các khoản lợi tức được dùng để chia tiền lãi cổ phần.

5/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

6/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi tức hay thu nhập từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có liên quan đến khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2,

a) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt nam sẽ chỉ bị đánh thuế tại Phần lan nếu tiền lãi này được trả cho:

(i) Nhà nước Phần lan, một cơ quan chính quyền địa phương hoặc một tổ chức nhà nước của Phần lan;

(ii) Ngân hàng Phần lan;

(iii) Quỹ Hợp tác Công nghiệp Phần lan TNHH (FINNFUND) hoặc bất kỳ một tổ chức tương tự nào có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết;

(iv) bất kỳ đối tượng cư trú của Phần lan nào liên quan đến một khoản cho vay hay tín dụng do chính phủ tài trợ được điều chỉnh bởi các văn bản hướng dẫn được quốc tế thừa nhận đối với các khoản tín dụng hỗ trợ chính thức.

b) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Phần lan sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt nam nếu tiền lãi này được trả cho:

(i) Nhà nước Việt nam, một cơ quan chính quyền địa phương hoặc một tổ chức nhà nước của Việt nam;

(ii) Ngân hàng nhà nước Việt nam;

(iii) bất kỳ một tổ chức tương tự khác giống như các tổ chức được đề cập tại điểm (i) và (ii) có vốn hoàn toàn thuộc sở hữu của Nhà nước Việt nam, hoặc của một cơ quan chính quyền địa phương hoặc của một tổ chức nhà nước có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó, hoặc với b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, phần mềm máy tính, bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp như vậy, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp như vậy, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại khoản 2 Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Lợi tức do một đối tượng của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hay các quyền lợi công ty khác trong một công ty mà trên một nửa tài sản của công ty đó bao gồm cả tài sản cố định nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

4/ Lợi tức do một đối tượng của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức do một đối tượng của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hay các quyền lợi công ty khác, trừ cổ phần hoặc các quyền lợi công ty được đề cập tại khoản 2, trong một công ty là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia khi cổ phần hoặc các quyền lợi công ty đó được chuyển nhượng chiếm ít nhất 15 phần trăm vốn của công ty.

6/ Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản trên của Điều này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi đối tượng đó thường xuyên có một cơ sở cố định ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động của mình hoặc đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm dương lịch liên quan. Nếu:

a. đối tượng đó có một cơ sở cố định như vậy thì thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó;

b. đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia như vậy thì thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ đối với phần thu nhập thu được từ các hoạt động mà đối tượng đó thực hiện tại Nước ký kết kia trong khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian đó.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18, 19 và 20, các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a) người nhận tiền công có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm dương lịch liên quan, và

b) chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c) số tiền công không phải do một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia chịu.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là một thành viên của ban giám đốc hay của bất kỳ một tổ chức tương tự khác của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên đó, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3/ Những qui định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng đối với thu nhập do một nghệ sĩ hay một vận động viên thu được từ các hoạt động trình diễn tại một Nước ký kết nếu chuyến viếng thăm tại Nước đó được tài trợ toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ bởi quỹ công của Nước ký kết kia hoặc của một cơ quan chính quyền địa phương của Nước kia. Trong trường hợp như vậy, thu nhập đó sẽ bị đánh thuế, tùy từng trường hợp, theo những quy định tại Điều 7, 14 hoặc 15.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU, NIÊN KIM NHÂN THỌ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN TƯƠNG TỰ

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1, và thể theo những quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản phúc lợi khác cho dù được trả theo định kỳ hay trọn gói theo luật bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết hay theo chính sách chung do một Nước ký kết lập ra vì mục đích phúc lợi xã hội, hoặc bất kỳ khoản niên kim nhân thọ phát sinh tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

3/ Thuật ngữ "niên kim nhân thọ" được sử dụng trong Điều này nghĩa là khoản tiền nhất định được trả định kỳ cho một cá nhân vào những thời điểm nhất định trong cuộc đời hoặc tại một thời điểm cụ thể hoặc trong khoảng thời gian được cam kết thể theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại được toàn bộ hay tương ứng bằng tiền hay giá trị bằng tiền (trừ các hoạt động dịch vụ đã thực hiện).

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/ a. Tiền lương, tiền công và các khoản thù lao khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một tổ chức nhà nước hay cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc tổ chức hoặc cơ quan chính quyền đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, hoặc một tổ chức nhà nước hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc tổ chức hoặc cơ quan chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được thực hiện bởi một Nước ký kết hoặc một tổ chức nhà nước hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN, THỰC TẬP SINH VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ

1/ Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh hay học sinh học nghề kinh doanh, kỹ thuật, nông nghiệp hay lâm nghiệp nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2/ Một sinh viên theo học đại học và cao đẳng tại một trường đại học hay học viện khác tại một Nước ký kết, hoặc một thực tập sinh hay học sinh học nghề kinh doanh, kỹ thuật, nông nghiệp hay lâm nghiệp ngay trước khi đến Nước ký kết kia đang và đã là đối tượng cư trú của Nước thứ nhất và hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong khoảng thời gian liên tục không vượt quá 183 ngày sẽ không bị đánh thuế tại Nước kia đối với tiền thù lao từ hoạt động phục vụ được thực hiện tại Nước đó, với điều kiện những hoạt động phục vụ này có liên quan đến hoạt động học tập hay đào tạo của đối tượng đó và tiền thù lao này tạo thành thu nhập cần thiết cho sinh hoạt của đối tượng đó.

ĐIỀU 21

THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó. Tuy nhiên, những khoản thu nhập đó phát sinh tại Nước ký kết kia có thể cũng bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy, những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 22

XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Tại Việt nam việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Khi một đối tượng cư trú của Việt nam có thu nhập, lợi tức hay lợi nhuận mà theo luật của Phần lan và phù hợp với các quy định của Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Phần lan, Việt nam sẽ cho phép đối tượng đó được khấu trừ vào thuế thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi nhuận đó một khoản tiền tương đương với số thuế đã nộp tại Phần lan. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ như vậy sẽ không vượt quá số thuế Việt nam tính trên thu nhập, lợi tức hay lợi nhuận đó được tính trước khi cho phép trừ theo các luật và quy định về thuế của Việt nam.

2/ Theo những quy định của luật Phần lan đối với việc xoá bỏ việc đánh thuế hai lần quốc tế (mà không ảnh hưởng đến các nguyên tắc chung của Điều này), việc tránh đánh thuế hai lần được xoá bỏ như sau:

a) Khi một đối tượng cư trú của Phần lan có thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt nam, Phần lan sẽ, thể theo các quy định tại điểm b), cho phép trừ vào thuế Phần lan của đối tượng đó một khoản tiền tương đương với số thuế đã nộp tại Việt nam theo luật Việt nam và phù hợp với Hiệp định này, được tính trên cùng một loại thu nhập có tham chiếu đến thuế Phần lan tính trên thu nhập đó.

b) Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Phần lan mà đối tượng đó kiểm soát trực tiếp ít nhất 10 phần trăm quyền bỏ phiếu tại công ty trả tiền lãi cổ phần sẽ được miễn thuế Phần lan.

c) Tuy nhiên, theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định, trường hợp một đối tượng cư trú của Phần lan có thu nhập được miễn thuế tại Phần lan, khi tính thuế trên thu nhập còn lại của đối tượng đó, Phần lan có thể tính đến phần thu nhập đã được miễn thuế.

d) Theo điểm a), thuật ngữ "thuế Việt nam đã nộp" được coi là bao gồm bất kỳ khoản thuế Việt nam nào lẽ ra phải nộp cho bất kỳ năm nào, phù hợp với những quy định của Hiệp định, nhưng do được miễn hay giảm thuế cho năm đó hoặc bất kỳ giai đoạn nào trong năm theo:

(i) các Điều 38, 39, 43, 44 và 48 của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt nam năm 1996 (được sửa đổi trong từng thời kỳ mà không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của các Điều này), hoặc

(ii) bất kỳ quy định nào khác có thể được ban hành sau ngày ký Hiệp định này cho miễn hoặc giảm thuế đã được chấp thuận giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết về cơ bản có tính chất tương tự (được sửa đổi trong từng thời kỳ mà không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của quy định đó).

e) Theo điểm a), thuật ngữ "thuế Việt nam đã nộp", trong trường hợp lãi từ tiền cho vay tại Điều 11 và không được miễn thuế tại Việt nam theo các quy định tại khoản 3 của Điều đó (là lãi từ tiền cho vay trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Phần lan, trừ ngân hàng, tổ chức tài chính hay bất kỳ công ty nào có liên quan đến giao dịch tài chính) hoặc trong trường hợp tiền bản quyền tại Điều 12, có nghĩa là một khoản tương đương với 10 phần trăm tổng số lãi từ tiền cho vay hoặc tiền bản quyền. Tuy nhiên, khi mức thuế chung theo luật Việt nam áp dụng đối với khoản thanh toán lãi từ tiền cho vay hay tiền bản quyền do các đối tượng không phải là đối tượng cư trú của Việt nam nhận được thấp hơn 5 phần trăm tổng số khoản thanh toán đó hoặc khoản thanh toán như vậy không bị đánh thuế thì khoản thuế Việt nam được đề cập tại câu trên sẽ là mức tương đương với 7 phần trăm tổng số tiền thanh toán đó.

f) Các quy định tại điểm d) sẽ chỉ áp dụng khi số thuế lẽ ra đã nộp nhưng do những quy định cho miễn hoặc giảm thuế liên quan đến lợi tức không phải là lợi tức từ các hoạt động ngân hàng hay các hoạt động tài chính khác và khi các khoản lợi tức được đề cập tại điểm này bao gồm cả lãi từ tiền cho vay và lợi tức từ chuyển nhượng cổ phiếu hay trái phiếu hoặc bao gồm các khoản lợi tức thu được từ các nước thứ ba không vượt quá 25 phần trăm.

g) Các quy định tại điểm d) và e) sẽ áp dụng trong 10 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, các nhà chức trách thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể tham khảo ý kiến của nhau để xác định việc gia hạn thời gian đó.

ĐIỀU 23

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau, đặc biệt là trong trường hợp cư trú.

2/ Thuế áp dụng đối với cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Khi thông tin được cung cấp cho cơ quan thuế liên quan tại một Nước ký kết không đủ để xác định các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú của một xí nghiệp của Nước ký kết kia đặt tại Nước thứ nhất hoặc khi thông tin để xác định các khoản lợi tức này không được cung cấp cho cơ quan thuế đó thì cơ quan thuế đó có thể thực hiện việc tài định hoặc ước tính các khoản lợi tức này tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú đó, phù hợp với các luật thuế và thông lệ quản lý hành chính của Nước này, với điều kiện việc thực hiện tài định hoặc ước tính đó phải có được kết quả phù hợp với các nguyên tắc tại Điều 7.

3/ Trừ khi những quy định tại Điều 9 được áp dụng, các khoản thanh toán (trừ lãi từ tiền cho vay được đề cập tại Điều 11 hay tiền bản quyền được đề cập tại Điều 12) do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ được phép trừ vào chi phí để xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó theo cùng các điều kiện như là được thanh toán cho một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan được áp dụng hay có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5/ Những qui định tại khoản 2 và 4 sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt nam mà trong bất kỳ trường hợp nào không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi nhuận được chuyển, và đối với thuế của Việt nam theo Luật Thuế Sử Dụng Đất Nông Nghiệp.

6/ Không nội dung nào tại Điều này được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú tại Nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế như qui định cho các cá nhân là đối tượng cư trú tại Nước đó.

7/ Mặc dù đã có các qui định của Điều này, trong thời gian Việt nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam, trong đó qui định chi tiết hình thức thuế áp dụng cho nhà đầu tư thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là vi phạm các qui định tại khoản 2 và 4.

8/ Những qui định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 24

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy việc giải quyết của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, bao gồm cả việc thông qua một uỷ ban phối hợp giữa các nhà chức trách có thẩm quyền hay đại diện của họ với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung những khoản trên đây.

ĐIỀU 25

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là nhằm ngăn chặn việc trốn lậu thuế. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các nhà chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các nhà chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

(a) thực hiên các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết này hay của Nước ký kết kia;

(b) cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết này hay của Nước ký kết kia;

(c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 26

THÀNH VIÊN CÁC PHÁI ĐOÀN NGOẠI GIAO VÀ VIÊN CHỨC LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế dành cho thành viên các phái đoàn ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 27

HIỆU LỰC

1/ Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thủ tục cần tuân thủ theo hiến pháp để Hiệp định này có hiệu lực.

2/ Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày thông báo sau cùng như đã được nêu tại khoản 1 và các quy định của Hiệp định sẽ được thi hành:

(a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên thu nhập phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực;

(b) đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, là các loại thuế được tính cho bất kỳ năm thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 28

KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào tiếp sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên thu nhập phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc;

(b) đối với các loại thuế khác thu trên thu nhập, là các loại thuế được tính cho bất kỳ năm thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Helsinki ngày 21 tháng 11 năm 2006 mỗi bản gồm tiếng Việt, tiếng Phần lan và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ
PHẦN LAN